

Số: **2219**/KH-UBND

Bố Trạch, ngày **20** tháng 12 năm 2018

**KẾ HOẠCH
XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC NĂM 2018**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Thông tư số 05/2016/TT-BGDĐT ngày 21/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn một số nội dung về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND huyện Bố Trạch về giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo năm 2018;

Căn cứ Công văn số 2023/SNV-CCVC ngày 28/11/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển giáo viên năm 2018 của huyện Bố Trạch.

2. Căn cứ thực tiễn

Căn cứ nhu cầu giáo viên Mầm non, Tiểu học của các trường trên địa bàn huyện Bố Trạch.

- Giáo viên Mầm non giao 777, đã tuyển dụng 658, chưa tuyển dụng 119.
- Giáo viên Tiểu học giao 936, đã tuyển dụng 829, chưa tuyển dụng 107.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu xét tuyển: 101 chỉ tiêu

Trong đó:

- Giáo viên Mầm non: 64 chỉ tiêu
- Giáo viên Tiểu học: 37 chỉ tiêu

(Cụ thể có biểu Phụ lục số 01A, 01B đính kèm)

2. Vị trí việc làm, tiêu chuẩn cần xét tuyển

Có 02 vị trí (giáo viên Mầm non và giáo viên Tiểu học). Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển *(có biểu Phụ lục số 02 đính kèm)*.

Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký dự tuyển chung vào vị trí giáo viên Mầm non, giáo viên Tiểu học. Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có Quyết định bố trí công tác về các trường mầm non, tiểu học trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường *(theo Phụ lục số 03A, 03B đính kèm)*, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.

3. Nội dung xét tuyển

3.1. Đối tượng, điều kiện đăng ký dự tuyển

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn đăng ký dự tuyển; Có lý lịch rõ ràng;
- Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;
- Có đủ tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp theo Phụ lục số 02 đính kèm;
- Những người sau đây không được đăng ký dự xét tuyển: Mất hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Đơn xin xét tuyển (theo mẫu);



- Bản khai sơ yếu lý lịch, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú (có giá trị trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển);

- Bản sao bằng chuyên môn, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học, bảng kết quả học tập toàn khóa (đối với những người đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì bảng kết quả học tập phải được quy ra thang điểm 10) phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; các loại giấy tờ chứng nhận khác, giấy ưu tiên (nếu có);

- Bản sao Giấy khai sinh;

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

- 02 ảnh cỡ 4 cm x 6 cm;

- 02 phong bì có dán tem và địa chỉ báo tin;

Lưu ý: Người dự tuyển chỉ được nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển ở một vị trí xét tuyển (có quy định mã dự tuyển). Những người đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí xét tuyển trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trong kỳ tuyển dụng này.

Hồ sơ dự tuyển không trả lại.

3.3. Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/thí sinh (theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính).

3.4. Thời hạn thu nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân huyện thành lập Tổ kiểm tra, rà soát, thu nhận hồ sơ; thu lệ phí của người dự tuyển trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo xét tuyển.

3.5. Hình thức xét tuyển

- Xét kết quả học tập bao gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.

- Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

3.6. Cách tính điểm

a. Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

b. Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

c. Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

d. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

e. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d Mục 3.6 này.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính tại Điểm c và Điểm d Mục 3.6 này.

3.7. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

- Người trúng tuyển khi có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự trình độ chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của vị trí việc làm (thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp);
- Trường hợp có 02 người trở lên có cùng trình độ đào tạo, thì người có tổng điểm xét tuyển cao hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì người có điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển, nếu điểm phỏng vấn bằng nhau nữa thì lấy trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

3.8. Nội dung kiến thức ôn tập liên quan đến nội dung xét tuyển

(Theo Phụ lục số 04 đính kèm)

4. Thẩm quyền tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc

UBND huyện thành lập Hội đồng xét tuyển, Quyết định tuyển dụng bố trí công tác tại các trường học; Hiệu trưởng các trường học ký hợp đồng làm việc với người được tuyển dụng sau khi thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ.

5. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND huyện xét tuyển giáo viên Mầm non, Tiểu học đảm bảo đúng quy trình tuyển dụng./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Quang Vũ



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÒ TRÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (Giáo viên) TRONG CÁC TRƯỜNG TH
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số ~~2219~~/KH-UBND ngày ~~20~~/12/2018 của UBND huyện)

TT	Tên trường	BC Giáo viên giao	Đã tuyển dụng	Chưa tuyển dụng	Đăng ký xét tuyển	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>
1	TH Bắc Trạch	23	19	4	2	
2	TH số 1 Thanh Trạch	33	27	6	2	
3	TH Hạ Trạch	21	17	4	1	
4	TH Đức Trạch	27	24	3	1	
5	TH Phú Trạch	16	13	3	1	
6	TH Hoàn Trạch	15	13	2	1	
7	TH số 1 Cự Nẫm	22	14	8	4	
8	TH số 2 Cự Nẫm	16	6	10	3	
9	TH số 1 Hưng Trạch	21	14	7	5	
10	TH số 4 Hưng Trạch	28	21	7	4	
11	TH số 1 Sơn Trạch	21	19	2	2	
12	TH số 2 Sơn Trạch	27	20	7	5	
13	TH Lâm Trạch	21	17	4	3	
14	TH Số 1 Thượng Trạch	23	16	7	2	
15	TH&THCS Sơn Lộc	11	7	4	1	
Tổng cộng:		325	247	78	37	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (Giáo viên) TRONG CÁC TRƯỜNG MN
VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Kế hoạch số ~~2219~~/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

TT	Tên trường	BC giáo viên giao	Đã tuyển dụng	Chưa tuyển dụng	Đăng ký xét tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	MN Bắc Trạch	25	19	6	3	
2	MN Thanh Trạch	46	38	8	5	
3	MN Liên Trạch	14	12	2	1	
4	MN Hải Trạch	35	32	3	1	
5	MN Đức Trạch	26	21	5	3	
6	MN Phú Trạch	16	12	4	2	
7	MN Sơn Lộc	15	10	5	4	
8	MN Trung Trạch	19	18	1	1	
9	MN số 1 Hoàn Lão	20	18	2	1	
10	MN Hoàn Lão	23	18	5	3	
11	MN Đại Phương	20	16	4	2	
12	MN Phúc Lý	18	15	3	2	
13	MN Nam Trạch	13	9	4	1	
14	MN Nhân Trạch	37	23	14	9	
15	MN Bắc Dinh	17	13	4	2	
16	MN Hoàn Trạch	16	10	6	1	
17	MN Vạn Trạch	28	20	8	3	
18	MN Hòa Trạch	20	16	4	3	
19	MN Tây Trạch	22	18	4	2	
20	MN Phú Định	16	11	5	3	
21	MN Hưng Bình	24	21	3	2	
22	MN Sơn Trạch	52	36	16	10	
Tổng cộng:		522	406	116	64	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC**
(Kèm theo Kế hoạch tuyển dụng số 22/19/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

TT	Hạng giáo viên	Chỉ tiêu	Vị trí việc làm	Mã số dự tuyển	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>
1	Giáo viên mầm non hạng IV V.07.02.06 trở lên	64	Giáo viên Mầm non	M01	Trung cấp Sư phạm Mầm non, Trung cấp Giáo dục Mầm non trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
2	Giáo viên tiểu học hạng IV V.07.03.09 trở lên	37	Giáo viên Tiểu học 9 môn	T01	Trung cấp Sư phạm Giáo dục Tiểu học, Trung cấp Giáo dục Tiểu học trở lên	Chứng chỉ B	Chứng chỉ B
	Tổng cộng:	101					

Phu lục số 03A

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON TRÚNG TUYỂN
(Kèm theo Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu cần tuyển	Phương án bố trí trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>
1	MN Bắc Trạch	3	Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký dự tuyển chung vào vị trí Giáo viên Mầm non. Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có quyết định bố trí công tác về các trường mầm non trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.
2	MN Thanh Trạch	5	
3	MN Liên Trạch	1	
4	MN Hải Trạch	1	
5	MN Đức Trạch	3	
6	MN Phú Trạch	2	
7	MN Sơn Lộc	4	
8	MN Trung Trạch	1	
9	MN số 1 Hoàn Lão	1	
10	MN Hoàn Lão	3	
11	MN Đại Phương	2	
12	MN Phúc Lý	2	
13	MN Nam Trạch	1	
14	MN Nhân Trạch	9	
15	MN Bắc Dinh	2	
16	MN Hoàn Trạch	1	
17	MN Vạn Trạch	3	
18	MN Hòa Trạch	3	
19	MN Tây Trạch	2	
20	MN Phú Định	3	
21	MN Hưng Bình	2	
22	MN Sơn Trạch	10	
Tổng cộng:		64	

Phu lục số 03B

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TRÚNG TUYỂN
(Kèm theo Kế hoạch số ~~22~~²¹ KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu cần tuyển	Phương án bố trí trúng tuyển
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>
1	TH Bắc Trạch	2	Thí sinh không đăng ký theo vị trí cụ thể của từng trường, mà đăng ký dự tuyển chung vào vị trí Giáo viên Tiểu học. Sau khi có kết quả trúng tuyển, UBND huyện sẽ có quyết định bố trí công tác về các trường tiểu học trên cơ sở nhu cầu cần tuyển dụng của từng trường, tuy nhiên phải đảm bảo cân đối chất lượng của đội ngũ giáo viên giữa các trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ăn ở, đi lại của giáo viên.
2	TH số 1 Thanh Trạch	2	
3	TH Hạ Trạch	1	
4	TH Đức Trạch	1	
5	TH Phú Trạch	1	
6	TH Hoàn Trạch	1	
7	TH số 1 Cự Nẫm	4	
8	TH số 2 Cự Nẫm	3	
9	TH số 1 Hưng Trạch	5	
10	TH số 4 Hưng Trạch	4	
11	TH số 1 Sơn Trạch	2	
12	TH số 2 Sơn Trạch	5	
13	TH Lâm Trạch	3	
14	TH Số 1 Thượng Trạch	2	
15	TH&THCS Sơn Lộc	1	
	Tổng cộng:	37	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH VỀ KIẾN THỨC ÔN TẬP
XÉT TUYỂN GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2219/KH-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện)

1. Kiến thức chung:

Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ về quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Luật Giáo dục năm 2005 (số 38/2005/QH 11), Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009 (số 44/2009/QH 12);

2. Nghiệp vụ chuyên ngành:

2.1. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên Mầm non

Điều lệ trường Mầm non (Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015);

Chương trình Giáo dục Mầm non (Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT);

Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non (Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT);

Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên Mầm non (Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Thông tư Liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên mầm non;

2.2. Dự tuyển vào viên chức Giáo viên Tiểu học

Điều lệ trường Tiểu học (Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014);

Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018);

Quy định đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016);

Quy định về giáo dục và hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật (Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2006);

Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Phương pháp, nghiệp vụ dạy học của giáo viên Tiểu học;